

Số: 3152/QĐ-UBND

Chợ Mới, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 672/TTr-PTP ngày 30 tháng 12 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 18 xã, thị trấn (có Danh sách kèm theo) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020.

Điều 2. Giao Ban Biên tập Công thông tin điện tử huyện chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định và danh sách các xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020 lên trang thông tin điện tử của huyện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tư pháp và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /22

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Tư pháp;
- BBT Công thông tin điện tử huyện;
- Đài truyền thanh huyện;
- Lưu: VT, PTP.



**Ủ. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Viên

Chợ Mới, ngày 31 tháng 12 năm 2020

**DANH SÁCH XÃ, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT
NĂM 2020**

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Loại I							
1	Kiến Thành	99	15	30	24,5	9,4	20	100
2	Hòa Bình	97	15	30	22	9,9	20	100
3	Bình Phước Xuân	97	11,75	29,9	25	10	20	99,65
4	Mỹ Hội Đông	95	11,75	29,8	23,5	10	20	99,83
5	Mỹ Hiệp	95	12,75	29,8	22,5	9,8	20	99,72
6	Nhon Mỹ	95	12,75	30	22	10	20	100
7	Mỹ An	94	15	30	20,5	8,9	20	100
8	An Thạnh Trung	94	15	30	20	9,4	20	100
9	Thị trấn Mỹ Lương	94	15	30	23	10	16	100
10	Long Giang	94	15	29,8	19,5	9,5	20	98,96
11	Long Điền B	93	11,75	30	22	9,6	20	100
12	Hội An	93	11,75	29,8	22	9,6	20	99,26
13	Tân Mỹ	93	11,75	29,8	21,5	9,6	20	99,65
14	Long Điền A	93	11,75	29,8	21,5	9,5	20	99,75
15	Hòa An	93	11,75	29,8	22	9	20	99,88
16	Kiến An	90	15	30	19,5	9,9	16	100
17	Long Kiến	90	15	29,7	20,5	8,9	16	99,77
Loại II								
18	Thị trấn Chợ Mới	91	11,75	30	19,5	9,5	20	100

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp;
- BBT Công thông tin điện tử huyện;
- Đài Truyền thanh huyện;
- UBND xã, tt;
- Lưu: VT, PTP



